

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19/2020/DS-PT**
Ngày 17- 02- 2020
V/v “Tranh chấp về hui và
hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Phụng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hùng Nuôi.

Ông Nguyễn Văn Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Út- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Sơn
Cươl – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc
thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2019/TLPT-DS ngày 27 tháng 12 năm 2019, về việc
tranh chấp về hui và hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 59/2019/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Toà án
nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2020/QĐ-PT ngày 10 tháng 01
năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa xét xử phúc thẩm số: 24/2020/QĐ-PT ngày 10 tháng
02 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà A; Địa chỉ: Đường P, khóm N, Phường B, thành phố S,
tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: Bà B; Địa chỉ: Đường T, Khóm B, Phường S.

Địa chỉ liên lạc: Đường L, Khóm N, Phường S, thành phố S, tỉnh Sóc
Trăng (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà B: Luật sư P - Văn phòng
Luật sư P, thuộc đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: Đường P,
phường Đ, Quận M, thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

- Người kháng cáo: Bà B là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt
như sau:

** Theo đơn khởi kiện ngày 30/7/2019 của nguyên đơn bà A cũng như
trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:*

Do giữa bà A và bà B có quan hệ quen biết nên từ ngày 04/8/2017 (âm

lịch) nhằm ngày 23/9/2017 (dương lịch) đến ngày 10/6/2018 (âm lịch) nhằm ngày 22/7/2018 (dương lịch) bà B tham gia 05 dây hụi do bà A làm chủ hụi, tính đến nay bà B còn nợ bà A số tiền hụi chết là 540.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Dây hụi 01 tháng khui một lần, khui lần đầu vào ngày 04/8/2017(âm lịch), nhằm ngày 23/9/2017 (dương lịch) dây hụi dự kiến kết thúc vào ngày 23/12/2018 (dương lịch), giá mỗi phần hụi là 20.000.000 đồng, dây hụi có 16 người chơi. Bà B tham gia một phần và hốt lần 4 vào ngày 04/11/2017 (âm lịch) được số tiền 216.000.000 đồng (11 phần x 16.000.000 đồng + 2 phần hụi chết x 20.000.000 đồng). Dây hụi này có 02 phần (01 phần hụi chết và 01 phần hụi sống) không ăn thua với bà B, nghĩa là bà A không thu tiền của hai người này giao cho bà B và bà B cũng không đóng hụi chết cho hai người này). Dây hụi này bà B ra tiền lời 4.000.000 đồng và trả tiền hoa hồng cho bà A số tiền 8.000.000 đồng, bà B còn lại số tiền 204.000.000 đồng. Khi giao tiền cho bà B có làm biên nhận. Kể từ ngày hốt hụi đến nay, bà B đóng hụi chết được số tiền 160.000.000 đồng, còn nợ bà A số tiền 60.000.000 đồng.

Dây hụi 01 tháng khui một lần, khui lần đầu vào ngày 22/3/2018 (âm lịch) nhằm ngày 07/5/2018 (dương lịch), dây hụi dự kiến kết thúc vào ngày 07/7/2019 (dương lịch), giá mỗi phần hụi là 10.000.000 đồng, dây hụi có 15 người chơi, mỗi người một phần. Bà B tham gia một phần và hốt đầu vào ngày 07/5/2018 (dương lịch) được số tiền 112.000.000 đồng (14 phần x 8.000.000 đồng). Dây hụi này bà B ra tiền lời 2.000.000 đồng và trả tiền hoa hồng cho bà A số tiền 4.000.000 đồng, bà B còn lại số tiền 108.000.000 đồng. Khi giao tiền cho bà B có làm biên nhận. Kể từ ngày hốt hụi đến nay, bà B đóng hụi chết được số tiền 80.000.000 đồng, còn nợ bà A số tiền 60.000.000 đồng.

Dây hụi 01 tháng khui một lần, khui lần đầu vào ngày 12/02/2018 (âm lịch), nhằm ngày 28/3/2018 (dương lịch), dây hụi dự kiến kết thúc vào ngày 28/5/2019 (dương lịch), giá mỗi phần hụi là 20.000.000 đồng, dây hụi có 15 người chơi, mỗi người một phần. Bà B tham gia một phần và hốt lần 2 vào ngày 12/3/2018(âm lịch) được số tiền 192.000.000 đồng (12 phần x 16.000.000 đồng). Dây hụi này có 02 phần (01 phần hụi chết và 01 phần hụi sống) không ăn thua với bà B, nghĩa là bà A không thu tiền của hai người này giao cho bà B và bà B cũng không đóng hụi chết cho hai người này). Dây hụi này bà B ra tiền lời 4.000.000 đồng và trả tiền hoa hồng cho bà A số tiền 8.000.000 đồng, bà B còn lại số tiền 184.000.000 đồng. Khi giao tiền cho bà B có làm biên nhận. Kể từ ngày hốt hụi đến nay, bà B đóng hụi chết được số tiền 90.000.000 đồng, còn nợ bà A số tiền 150.000.000 đồng.

Dây hụi 01 tháng khui một lần, khui lần đầu vào ngày 15/3/2018 (âm lịch), nhằm ngày 30/4/2018 (dương lịch), dây hụi dự kiến kết thúc vào ngày 30/6/2019 (dương lịch), giá mỗi phần hụi là 20.000.000 đồng, dây hụi có 15 người chơi, mỗi người một phần. Bà B tham gia một phần và hốt lần thứ hai vào ngày 15/4/2018(âm lịch) được số tiền 192.000.000 đồng (12 phần x 16.000.000 đồng). Dây hụi này có 02 phần (01 phần hụi chết và 01 phần hụi sống) không ăn thua với bà B, nghĩa là bà A không thu tiền của hai người này giao cho bà B và

bà B cũng không đóng hụi chết cho hai người này). Dây hụi này bà B ra tiền lời 4.000.000 đồng và trả tiền hoa hồng cho bà A số tiền 8.000.000 đồng, bà B còn lại số tiền 184.000.000 đồng. Khi giao tiền cho bà B có làm biên nhận. Kể từ ngày hốt hụi đến nay, bà B đóng hụi chết được số tiền 90.000.000 đồng, còn nợ bà A số tiền 150.000.000 đồng.

Dây hụi 01 tháng khui một lần, khui lần đầu vào ngày 10/6/2018 (âm lịch) nhằm ngày 22/7/2018 (dương lịch), dây hụi dự kiến kết thúc vào ngày 22/9/2019 (dương lịch), giá mỗi chứng hụi là 20.000.000 đồng, dây hụi có 15 người chơi, mỗi người một phần. Bà B tham gia một phần và hốt đầu vào ngày 10/6/2018 (âm lịch) được số tiền 224.000.000 đồng (14 phần x 16.000.000 đồng). Dây hụi này bà B ra tiền lời 4.000.000 đồng và trả tiền hoa hồng cho bà A số tiền 8.000.000 đồng, bà B còn lại số tiền 216.000.000 đồng. Khi giao tiền cho bà B có làm biên nhận. Kể từ ngày hốt hụi đến nay, bà B đóng hụi chết được số tiền 160.000.000 đồng, còn nợ bà A số tiền 120.000.000 đồng.

Tất cả các dây hụi nêu trên phía bà A không mở sổ hụi, sau khi bà B hốt hụi do bà B không đóng hụi chết nên bà A là chủ hụi đã ra tiền đóng thay cho bà B.

Ngoài ra, vào ngày 10/9/2017 (âm lịch) nhằm ngày 29/10/2017 (dương lịch) bà A cho bà B vay số tiền 100.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận miệng thời hạn vay là 06 tháng, việc vay tiền có làm biên nhận, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, sau khi vay bà B trả lãi cho bà A được 10 tháng với số tiền 30.000.000 đồng thì ngưng không trả nữa. Việc trả lãi có làm biên nhận do bà B giữ. Đối với số tiền lãi bà B đã trả cho bà A là cao hơn mức lãi suất nhà nước quy định nên bà A đồng ý tính lại theo mức lãi suất 1,66%/tháng, số tiền lãi bà B trả dư được trừ vào tiền vốn. Tuy nhiên, do bà A không nhớ thời gian cụ thể bà B trả lãi nên bà A đồng ý tính thời gian bà B trả lãi từ ngày 29/10/2017 đến ngày 29/8/2018 là 30.000.000 đồng, theo quy định của nhà nước thì tiền lãi là 16.600.000 đồng ($100.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\% \times 10 \text{ tháng}$), số tiền lãi bà B trả dư là 13.400.000 đồng được trừ vào tiền vốn vay. Như vậy, số tiền vốn vay bà B còn thiếu là 86.600.000 đồng ($100.000.000 \text{ đồng} - 13.400.000 \text{ đồng}$) bà A yêu cầu tính lãi từ ngày 29/8/2018 đến ngày 29/8/2019 theo mức lãi suất 1%/tháng thành số tiền 10.392.000 đồng.

Nay bà A yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà B phải có trách nhiệm trả cho bà A tổng cộng số tiền 636.992.000 đồng. Trong đó số tiền hụi còn thiếu là 540.000.000 đồng, tiền vốn vay còn thiếu là 86.600.000 đồng và tiền lãi của số tiền vay tính từ ngày 29/8/2018 đến ngày 29/8/2019 là 10.392.000 đồng.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/10/2019 của bà B cũng như tại phiên tòa trình bày:*

Phía bà B thừa nhận có tham gia chơi các dây hụi do bà A làm chủ hụi theo như lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bà A.

Tuy nhiên sau khi hốt hụi bà B đã đóng hụi chết cho bà A đầy đủ với tổng số tiền 1.120.000.000 đồng, việc trả tiền hụi các bên không có làm biên nhận cũng không có ai chứng kiến. Hiện bà B không còn nợ tiền hụi của bà A do đó bà B không đồng ý trả cho bà A số tiền hụi là 540.000.000 đồng theo yêu cầu của bà A.

Đối với số tiền vay bà B vay của bà A vào ngày 10/9/2017 (âm lịch) nhằm ngày 29/10/2017 (dương lịch) với số tiền 100.000.000 đồng. Khi vay hai bên thỏa thuận miệng thời hạn vay là 06 tháng, việc vay tiền có làm biên nhận, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, sau khi vay bà B trả lãi cho bà A được 10 tháng với số tiền 30.000.000 đồng thì ngưng không trả nữa, việc trả lãi không có làm biên nhận nên bà B cũng không nhớ cụ thể thời gian trả. Nay bà B đồng ý trả cho bà A số tiền vốn vay còn lại là 86.600.000 đồng và tiền lãi vay là 10.392.000 đồng theo yêu cầu của bà A. Tuy nhiên do bà B làm ăn bị thất bại nên bà B yêu cầu được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

* Sự việc được Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết. Tại bản án sơ thẩm số 59/2019/DS-ST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 244, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 468, Điều 470, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1]. Buộc bà B có nghĩa vụ thanh toán cho bà A tổng số tiền là 636.992.000 đồng, gồm tiền hụi là 540.000.000 đồng và tiền vốn, lãi vay là 96.992.000 đồng (trong đó tiền vốn vay là 86.600.000 đồng, tiền lãi vay là 10.392.000 đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

* Ngày 03/12/2019, bị đơn bà B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng:

- Thứ nhất: Đối với tiền hụi thì bà đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền nợ hụi, do bà đã đóng cho bà A đầy đủ rồi, đến nay không còn nợ nữa.

- Thứ hai: Đối với tiền nợ vay, do hoàn cảnh kinh tế gia đình bà vô cùng khó khăn, nên bà đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bà trả hàng tháng là 500.000 đồng đến khi hết nợ.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà A không rút đơn khởi kiện, bị đơn bà B giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà B trình bày tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa để thu thập chứng cứ hoặc chấp nhận kháng cáo của bà B, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà B và áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của bị đơn bà B là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên kháng cáo là hợp lệ và đúng luật định.

[2] Về nội dung vụ án: Xét kháng cáo của bị đơn bà B, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Đối với hợp đồng vay tài sản:

[2.1.1] Các đương sự đều thừa nhận vào ngày 10/9/2017 (âm lịch) nhằm ngày 29/10/2017 (dương lịch) bà A cho bà B vay với số tiền 100.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận miệng thời hạn vay là 06 tháng, lãi suất 3%/tháng, sau khi vay bà B trả lãi cho bà A được 10 tháng với số tiền 30.000.000 đồng và tại tòa bà B đồng ý hoàn trả cho bà A tiền vốn là 86.600.000 đồng và tiền lãi vay là 10.392.000 đồng theo yêu cầu của bà A. **Xét thấy**, Tòa án cấp sơ thẩm đã khấu trừ phần lãi đã trả vượt 20%/ năm và tính lãi đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự và buộc bị đơn trả cho nguyên đơn vốn lãi là 96.992.000 đồng là có căn cứ và phía bị đơn cũng đồng ý trả số tiền trên. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 92 của Bộ luật dân sự xác định hiện nay bà B còn nợ bà A tổng cộng vốn và lãi là 96.992.000 đồng (trong đó tiền vốn vay là 86.600.000 đồng và tiền lãi vay là 10.392.000 đồng).

[2.1.2] Đối với yêu cầu của bà B cho rằng hoàn cảnh khó khăn, nên xin trả số tiền nợ vay hàng tháng là 500.000 đồng cho đến khi hết nợ. **Xét thấy**, yêu cầu này không được bà A chấp nhận và thuộc thẩm quyền của cơ quan Thi hành án sau này, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.2] Đối với hợp đồng góp hụi: Các đương sự đều thừa nhận, bà A làm chủ hụi, bà B là hụi viên, từ ngày 04/8/2017 (âm lịch) nhằm ngày 23/9/2017 (dương lịch) đến ngày 10/6/2018 (âm lịch) nhằm ngày 22/7/2019 (dương lịch) bà B tham gia cùng bà A 05 dây hụi, cụ thể như sau:

- Dây hụi thứ nhất: Dây hụi 01 tháng khui một lần, khui lần đầu vào ngày 04/8/2017(âm lịch), nhằm ngày 23/9/2017 (dương lịch) dây hụi dự kiến kết thúc vào ngày 23/12/2018 (dương lịch), giá mỗi phần hụi là 20.000.000 đồng, dây hụi có 16 người chơi. Bà B tham gia một phần và hốt lần 4 vào ngày 04/11/2017 (âm lịch) được số tiền 216.000.000 đồng (11 phần x 16.000.000 đồng + 2 phần hụi chết x 20.000.000 đồng). Dây hụi này có 02 phần (01 phần hụi chết và 01 phần hụi sống) không ăn thua với bà B, nghĩa là bà A không thu tiền của hai người này giao cho bà B và bà B cũng không đóng hụi chết cho hai người này). Dây hụi này bà B ra tiền lời 4.000.000 đồng và trả tiền hoa hồng cho bà A số tiền 8.000.000 đồng, bà B còn lại số tiền 204.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ hai: Dây hụi 01 tháng khui một lần, khui lần đầu vào ngày 12/02/2018 (âm lịch), nhằm ngày 28/3/2018 (dương lịch), dây hụi dự kiến kết thúc vào ngày 28/5/2019 (dương lịch), giá mỗi phần hụi là 20.000.000 đồng, dây hụi có 15 người chơi, mỗi người một phần. Bà B tham gia một phần và hốt lần 2 vào ngày 12/3/2018(âm lịch) được số tiền 192.000.000 đồng (12 phần x 16.000.000 đồng). Dây hụi này có 02 phần (01 phần hụi chết và 01 phần hụi sống) không ăn thua với bà B, nghĩa là bà A không thu tiền của hai người này giao cho bà B và bà B cũng không đóng hụi chết cho hai người này). Dây hụi này bà B ra tiền lời 4.000.000 đồng và trả tiền hoa hồng cho bà A số tiền 8.000.000 đồng, bà B còn lại số tiền 184.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ ba: Dây hụi 01 tháng khui một lần, khui lần đầu vào ngày 15/3/2018 (âm lịch), nhằm ngày 30/4/2018 (dương lịch), dây hụi dự kiến kết thúc vào ngày 30/6/2019 (dương lịch), giá mỗi phần hụi là 20.000.000 đồng, dây hụi có 15 người chơi, mỗi người một phần. Bà B tham gia một phần và hốt lần thứ hai vào ngày 15/4/2018(âm lịch) được số tiền 192.000.000 đồng (12 phần x 16.000.000 đồng). Dây hụi này có 02 phần (01 phần hụi chết và 01 phần hụi sống) không ăn thua với bà B, nghĩa là bà A không thu tiền của hai người này giao cho bà B và bà B cũng không đóng hụi chết cho hai người này). Dây hụi này bà B ra tiền lời 4.000.000 đồng và trả tiền hoa hồng cho bà A số tiền 8.000.000 đồng, bà B còn lại số tiền 184.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ tư: Dây hụi 01 tháng khui một lần, khui lần đầu vào ngày 22/3/2018 (âm lịch) nhằm ngày 07/5/2018 (dương lịch), dây hụi dự kiến kết thúc vào ngày 07/7/2019 (dương lịch), giá mỗi phần hụi là 10.000.000 đồng, dây hụi có 15 người chơi, mỗi người một phần. Bà B tham gia một phần và hốt đầu vào ngày 07/5/2018 (dương lịch) được số tiền 112.000.000 đồng (14 phần x 8.000.000 đồng). Dây hụi này bà B ra tiền lời 2.000.000 đồng và trả tiền hoa hồng cho bà A số tiền 4.000.000 đồng, bà B còn lại số tiền 108.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ năm: Dây hụi 01 tháng khui một lần, khui lần đầu vào ngày

10/6/2018(âm lịch) nhằm ngày 22/7/2018 (dương lịch), dây hụi dự kiến kết thúc vào ngày 22/9/2019 (dương lịch), giá mỗi chứng hụi là 20.000.000 đồng, dây hụi có 15 người chơi, mỗi người một phần. Bà B tham gia một phần và hốt đầu vào ngày 10/6/2018 (âm lịch) được số tiền 224.000.000 đồng (14 phần x 16.000.000 đồng). Dây hụi này bà B ra tiền lời 4.000.000 đồng và trả tiền hoa hồng cho bà A số tiền 8.000.000 đồng, bà B còn lại số tiền 216.000.000 đồng.

Tổng số tiền hụi bà B thực nhận sau khi trừ tiền hoa hồng cho bà A là 896.000.000 đồng.

[2.2.1] Bà B thừa nhận có tham gia cùng bà A 05 dây hụi và bà đã hốt hết các dây hụi trên, sau khi hốt hụi xong thì bà đã đóng hụi chết đến khi mãn hụi và hiện nay không còn nợ tiền hụi bà A, việc đóng tiền hụi chết cho bà A thì không ai biết. **Xét thấy**, Bà B thừa nhận có tham gia 05 dây hụi do bà A làm chủ hụi, sau khi hốt hụi bà A đã giao đủ cho bà B tổng cộng số tiền 896.000.000 đồng, theo thỏa thuận bà B phải có nghĩa vụ đóng hụi chết cho bà A số tiền 1.120.000.000 đồng, số tiền trên theo bà B bà đã đóng đầy đủ cho bà A. Phía bà A cho rằng bà B đóng hụi chết được 580.000.000 đồng, số còn lại bà A đã đóng hụi chết thay cho bà B là 540.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án phía bà B không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh cho việc bà đã đóng hụi chết cho bà A đầy đủ và hiện nay không còn nợ bà A tiền hụi chết là 540.000.000 đồng. Tại tòa cấp phúc thẩm, bà B cho rằng đã đóng đủ tiền hụi cho bà A và phía bà A không thừa nhận, nhưng bà B phản đối yêu cầu của bà A đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự và tại tòa phúc thẩm bị đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ cho Tòa án để chứng minh cho sự phản đối của các bị đơn. Đồng thời, khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Mặt khác, theo bà B cho rằng từ tháng 06 năm 2018 đến nay thu nhập của bà hàng tháng khoảng 20 triệu đồng trở lại, nhưng hàng tháng bà phải đóng hụi chết cho bà A đến 90.000.000 đồng, như vậy việc bà B cho rằng đã đóng hụi chết đầy đủ cho bà A đến khi mãn hụi là không có căn cứ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà B còn nợ tiền hụi chết do bà A đóng thay cho bà B là 540.000.000 đồng và chưa trả tiền hụi chết cho bà A là có căn cứ.

[2.2.2] Về lãi suất trên số tiền 540.000.000 đồng, do phía bà A không yêu cầu do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Từ những phân tích nêu trên, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền hụi bà A đã đóng thay 540.000.000 đồng; trả vốn vay 86.600.000 đồng và 10.392.000 đồng, tổng cộng là 636.992.000 đồng cho nguyên đơn là có cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, kháng cáo của bị đơn bà B là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án dân sự phúc thẩm theo qui định của pháp luật.

[5] Đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là không căn cứ, nên Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ phù hợp với qui định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308, Khoản 1 Điều 148, Khoản 6 Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326 ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà B.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 59/2019/DS-ST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 244, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 468, Điều 470, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Buộc bà B có nghĩa vụ thanh toán cho bà A tổng số tiền là 636.992.000 đồng, gồm tiền hui là 540.000.000 đồng và tiền vốn, lãi vay là 96.992.000 đồng (trong đó tiền vốn vay là 86.600.000 đồng, tiền lãi vay là 10.392.000 đồng).

Kể từ ngày bà A có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà B còn phải trả lãi cho bà A theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015, đối với số tiền hui và tiền vốn vay chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà B phải chịu số tiền 29.479.680 đồng.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà B phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền bị đơn đã nộp theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001511 ngày 12/12/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Bị đơn đã nộp xong.

4. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thành phố S;
- Chi cục THADS thành phố S;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Văn Phụng

